

Vũng Liêm, ngày 22 tháng 6 năm 2020

Số: 31/2020/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 360/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1955

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Chị **Trần Thị P**, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị P là anh **Lê Tấn P**, sinh năm 1976 (Theo văn bản uỷ quyền ngày 25/10/2019).

HKTT: ấp T, xã A, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: số 66, đường 3/2, khóm 4, thị trấn Cái Nhum, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phạm Thị X, sinh năm 1956

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bà Trần Thị B, sinh năm 1959

Địa chỉ: ấp Q, xã P, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà **Trần Thị N**, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

4. Bà **Trần Thị Bé B**, sinh năm 1967

Địa chỉ: ấp V, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

5. Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

6. Chị **Trần Thị Huỳnh M**, sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp V, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị M là chị **Trần Thị T**, sinh năm 1973 (Theo văn bản uỷ quyền ngày 15/01/2018).

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn ông Trần Văn T, bị đơn chị Trần Thị P, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị X, bà Trần Thị B, chị Trần Thị N, chị Trần Thị Bé B, chị Trần Thị T, chị Trần Thị Huỳnh M có chị Trần Thị T đại diện theo uỷ quyền thống nhất thỏa thuận:

- Thửa 644 (thửa mới 28) thuộc tờ bản đồ số 6 (18), diện tích đo đạc thực tế 11.338,6m² đất chuyên trồng lúa nước tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long chia làm 05 phần: chị Trần Thị P nhận một phần diện tích là 3.034m², chị Trần Thị N nhận một phần diện tích là 1.500m², chị Trần Thị T và chị Trần Thị Huỳnh M nhận một phần diện tích là 3.534m², chị Trần Thị Bé B nhận một phần diện tích là 3.270,7m².

+ Vị trí phần đất của chị Trần Thị P từ cột mốc số 6 đo qua cột mốc số 5 là 32,31m, từ cột mốc số 5 đến điểm a là 78,81m, từ cột mốc số 6 đến điểm b là 94,73m, từ điểm a đến điểm b là 32,06m diện tích là 3.034m².

(Có kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 26/5/2020 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vũng Liêm).

+ Vị trí phần đất của chị Trần Thị N từ điểm b đến điểm a là 32,06m, từ điểm a đến điểm c là 46,81m, từ điểm b đến điểm d là 46,81m, từ điểm d đến điểm c là 32,06m diện tích là 1.500m².

(Có kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 26/5/2020 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vũng Liêm).

+ Vị trí phần đất của chị Trần Thị T và chị Trần Thị Huỳnh M từ điểm d đến điểm c là 32,06m, từ điểm c đến điểm e là 110,35m, từ điểm d đến điểm f là 110,22m, từ điểm f đến điểm e là 32,07m diện tích là 3.534m².

(Có kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 26/5/2020 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vũng Liêm).

+ Vị trí phần đất của chị Trần Thị Bé B từ điểm f đến điểm e là 32,07m, từ điểm e đến cột mốc số 2 là 79,62m, từ điểm f đến cột mốc số 1 là 103,78m, từ cột mốc số 1 đến cột mốc số 2 là 31,50m diện tích là 3.270,7m².

(Có kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 26/5/2020 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vũng Liêm).

- Thửa 649 (thửa mới 396) tờ bản đồ số 6 (10) diện tích đo đạc thực tế 599,7m² đất ở + đất trồng cây lâu năm tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long chia như sau:

+ Từ cột mốc số 2 đến điểm b là 18,95m, từ cột mốc số 3 đến điểm a là 19m, từ cột mốc số 3 qua cột mốc số 2 là 18,50m, từ điểm a đến điểm b là 17,99m diện tích là 346m². Phần đất này làm khuôn viên mộ giao cho Trần Văn T, Trần Thị P, Trần Thị Huỳnh M và Trần Thị N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sử dụng làm nghĩa địa gia đình không sử dụng vào mục đích khác.

(Có kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 26/5/2020 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vũng Liêm).

+ Từ cột mốc số 1 đến điểm b là 14,40m, từ cột mốc số 4 đến điểm a là 14,15m, từ cột mốc số 1 qua cột mốc số 4 là 17,59m, từ điểm a đến điểm b là 17,99m diện tích là 253,8m². Phần diện tích này giao cho ông Trần Văn T quản lý sử dụng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Có kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 26/5/2020 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vũng Liêm).

- Thửa 700 (tách 241) diện tích đo đạc thực tế 78,3m² đất ở và thửa 708 (tách 241) diện tích đo đạc thực tế 248m² đất trồng cây lâu năm cùng thuộc tờ bản đồ số 5 (31) tọa lạc tại ấp V, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long chia như sau:

+ Chị Trần Thị P được sử dụng phần đất gắn liền với căn nhà. Vị trí phần đất cấp đường tỉnh lộ 906 từ cột mốc số 7 đến cột mốc số 8 là 6,32m, từ cột mốc số 7 đến cột mốc số 6, 5, 4, 3, 2 là 33,27m, từ cột mốc số 8 đến cột mốc số 9 đến điểm a là 30,03m, từ cột mốc số 2 đến điểm a là 6,78m, diện tích thửa 700 (tách 241) là 78,3m² + thửa 708 (tách 241) là 135,4m² tổng diện tích là 213,7m².

(Có kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 12/5/2020 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vũng Liêm).

+ Chị Trần Thị Huỳnh M được sử dụng phần đất vị trí: từ cột mốc số 10 đến cột mốc số 9 là 5,38m, từ cột mốc số 9 đến điểm a là 20,65m, từ cột mốc số 10 đến cột mốc số 11, số 1 là 20,57m, từ cột mốc số 1 đến điểm a là 5,38m, diện tích thửa 708 (tách 241) là 112,6m².

(Có kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 12/5/2020 của chi

nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Vũng Liêm).

- Thửa 492 (thửa mới 179) thuộc tờ bản đồ số 4 (30), diện tích 165,6m² đất ở toạ lạc tại ấp H, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giao cho chị Trần Thị Huỳnh M quản lý sử dụng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

(Có kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 12/8/2019 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vũng Liêm).

Ông Trần Văn T, chị Trần Thị P, chị Trần Thị N, chị Trần Thị Bé B, chị Trần Thị T, chị Trần Thị Huỳnh M có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo quy định.

- *Án phí dân sự sơ thẩm:*

+ Đối với thửa 644 (thửa mới 28) thuộc tờ bản đồ số 6 (18), diện tích đo đạc thực tế 11.338,6m² đất chuyên trồng lúa nước toạ lạc tại ấp H, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, giá đất 40.000đ/m².

Chị Trần Thị P có trách nhiệm nộp 3.034.000đ (Ba triệu không trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Chị Trần Thị N có trách nhiệm nộp 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Chị Trần Thị T và chị Trần Thị Huỳnh M có trách nhiệm nộp 3.534.000đ (Ba triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Chị Trần Thị Bé B có trách nhiệm nộp 3.270.500đ (Ba triệu hai trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng).

+ Đối với thửa 649 (thửa mới 396) tờ bản đồ số 6 (10) diện tích đo đạc thực tế 599,7m² đất ở + đất trồng cây lâu năm toạ lạc tại ấp H, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Đất ở giá 400.000đ/m², đất trồng cây lâu năm giá 160.000đ/m².

Ông Trần Văn T, chị Trần Thị P, chị Trần Thị N, chị Trần Thị Huỳnh M có trách nhiệm nộp 1.384.000đ (Một triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Ông Trần Văn T có trách nhiệm nộp 6.874.500đ (Sáu triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

+ Đối với thửa 700 (tách 241) diện tích đo đạc thực tế 78,3m² đất ở và thửa 708 (tách 241) diện tích đo đạc thực tế 248m² đất trồng cây lâu năm cùng thuộc tờ bản đồ số 5 (31) toạ lạc tại ấp V, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Đất ở giá 1.000.000đ/m², đất trồng cây lâu năm giá 160.000đ/m².

Chị Trần Thị P có trách nhiệm nộp 4.976.000đ (Bốn triệu chín trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

Chị Trần Thị Huỳnh M có trách nhiệm nộp 450.000đ (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Đối với thửa 492 (thửa mới 179) thuộc tờ bản đồ số 4 (30), diện tích 165,6m² đất ở toạ lạc tại ấp A, xã N, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giá 250.000đ/m².

Chị Trần Thị Huỳnh M có trách nhiệm nộp 1.035.000đ (Một triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Tổng cộng ông Trần Văn T phải nộp 7.220.500đ (Bảy triệu hai trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng). Nhưng miễn án phí cho ông vì ông T là người cao tuổi thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Hoàn trả cho ông T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.140.000đ (Một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008476 ngày 17 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Tổng cộng chị Trần Thị P có trách nhiệm nộp 8.356.000đ (Tám triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Tổng cộng chị Trần Thị N có trách nhiệm nộp 1.846.000đ (Một triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.875.000đ (Một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008620 ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Hoàn trả cho chị N 29.000đ (Hai mươi chín nghìn đồng).

Tổng cộng chị Trần Thị Bé B có trách nhiệm nộp 3.270.500đ (Ba triệu hai trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008619 ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Bé B phải nộp thêm 770.500đ (Bảy trăm bảy mươi nghìn năm trăm đồng).

Tổng cộng chị Trần Thị T có trách nhiệm nộp 1.767.000đ (Một triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.875.000đ (Một triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008621 ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Hoàn trả cho chị T 108.000đ (Một trăm lẻ tám nghìn đồng).

Tổng cộng chị Trần Thị Huỳnh M có trách nhiệm nộp 3.598.000đ (Ba triệu năm trăm chín mươi tám nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.187.500đ (Ba triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008622 ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị M phải nộp thêm 410.500đ (Bốn trăm mười nghìn năm trăm đồng).

- *Chi phí khảo sát đo đạc:* Ông Trần Văn T, chị Trần Thị N, chị Trần Thị Bé B, chị Trần Thị T, chị Trần Thị Huỳnh M mỗi người nộp 918.000đ (Chín trăm

mười tám nghìn đồng). Ông T, chị N, chị Bé B, chị T, chị M đã nộp đủ chi phí khảo sát đo đạc.

Chị Trần Thị P nộp 918.000đ (Chín trăm mười tám nghìn đồng) để hoàn trả cho ông T, chị N, chị Bé B, chị T, chị M.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Huỳnh Văn Vui